TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2024/HC-PT
Ngày 20 tháng 5 năm 2024
V/v: *"Khiếu kiện quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 08 và ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 129/2024/TLPT-HC ngày 26/02/2024 về việc: *"Khiếu kiện quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 100/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1119/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện*: Ông Bùi Văn X, sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990; có văn bản xin vắng mặt ngày 8/5, có mặt ngày 20/5.

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Lê Quốc T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Quốc T1 - Trưởng ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; có mặt.

3. Do có kháng cáo của: Ủy ban nhân dân thành phố P - Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Bùi Văn X và người đại diện theo ủy quyền của ông X trình bày:

Để thực hiện dự án "Khu tái định cư xã B" ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành 03 Quyết định thu hồi đất của gia đình ông X, cụ thể: Quyết định số: 7013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi diện tích 1.058,68m^2 (trong đó gồm diện tích 658,68m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 400m^2 đất ở nông thôn) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 7014/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi diện tích 3.676,28m^2 loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 29, thuộc tờ bản đồ số 7 tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 7015/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ-UBND về việc bồi thường đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư với số tiền 9.204.265.256 đồng. Theo Quyết định này thì Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ hỗ trợ cho gia đình ông 01 suất tái định cư và đối với diện tích 2.011,36m^2 thì chỉ được hỗ trợ 70% theo bảng giá đất hàng năm với số tiền 202.745.088 đồng là không đúng quy định pháp luật bởi các lý do:

Thứ nhất: Ủy ban nhân dân thành phố P đã thu hồi 400m^2 loại đất ở nông thôn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 989 386 thửa đất số 34, thuộc tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/10/2003 nhưng chỉ hỗ trợ cho gia đình ông 0 suất tái định là không phù hợp quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ địa phương trong khi gia đình ông có đến 07 nhân khẩu và không còn chỗ ở, đất ở nào khác. Căn cứ theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Điều 21 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại dự án "Khu tái định cư xã B" thì gia đình ông đủ điều kiện được bố trí thêm 01 suất tái định cư theo đúng quy định pháp luật.

Thứ hai: Phần diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc do ông khai khẩn từ năm 1999 để làm nông nghiệp trồng tràm bông vàng, cây đào

sử dụng ổn định không tranh chấp với ai đến khi Nhà nước thu hồi đất và cũng được cơ quan địa phương xác nhận nguồn gốc trên. Đất ông sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình ông đủ điều kiện bồi thường về đất đai nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ hỗ trợ đất đai cho ông là không đúng quy định và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Vì vậy, ông Bùi Văn X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P "Về việc bồi thường đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn X" đối với phần đất diện tích 2.011,36m^2 được hỗ trợ 70% bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh K; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phê duyệt hỗ trợ bổ sung thêm 01 suất tái định cư đối với thửa đất đã thu hồi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 989 386 thửa đất số 34, thuộc tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/10/2003 cho gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

- Tại Văn bản số: 1025/UBND-NCPC ngày 23/6/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến:

Ngày 15/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Thông báo số: 332/TB-UBND, về việc thu hồi đất của ông Bùi Văn X địa chỉ ấp B, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, diện tích đất dự kiến thu hồi là 6.929,30m^2. Ủy ban nhân dân thành phố P giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã B, đơn vị tư vấn tổ chức đo đạc, kiểm kê, hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định ngoại nghiệp và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã B tổ chức xét duyệt nguồn gốc đất và các chính sách khác cho hộ ông Bùi Văn X theo quy định.

Ngày 19/5/2021, Hội đồng tư vấn đất đai xã B ban hành Biên bản số: 75/BB-XDHĐ về việc xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất dự án khu tái định cư xã B. Trường hợp ông Bùi Văn X được xét duyệt như sau: "Nguồn gốc sử dụng đất diện tích 2.011,36m^2. Trước tháng 04/1999 là đất Nhà nước quản lý chưa ai vào canh tác sử dụng đất. Đến tháng 04/1999 ông Bùi Văn X vào khai phá đất nông nghiệp trồng tràm bông vàng, đào. Ông X quản lý sử dụng đến 25/10/2004 thì Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 3304/QĐ- UBND về việc thu hồi đất bao chiếm, lấn chiếm đất đai trái phép do Nhà nước quản lý (diện tích 6.625m^2). Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất ông Bùi Văn X vẫn trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng đất đến nay. Hiện nay đo thực tế diện tích 2.011,36m^2, giảm diện tích so với quyết định thu hồi đất là do thực hiện dự án tái định cư xã B chưa lấy hết phần đất có quyết định thu hồi nói trên của ông Bùi Văn X".

Về việc xét chính sách bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, tỷ lệ mất đất, năm xây dựng nhà, tái định cư và các chính sách hỗ trợ khác cho các hộ dân trong khu vực quy hoạch dự án khu tái định cư xã B trường hợp ông Bùi Văn X được xét duyệt như sau: "Không có nhà, Hội đồng thống nhất đủ

điều kiện hỗ trợ tái định cư do ông Bùi Văn X bị thu hồi 400m^2 đất ở (07 khẩu), không còn nhà ở, đất ở trong khu vực B đủ điều kiện bố trí 02 suất tái định cư (chính sách hỗ trợ tái định cư chỉ áp dụng cho 01 suất tái định cư theo quy định, còn 01 suất tái định cư thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất) theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ- UBND ngày 27/11/2020 và Điều 21 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UNBD ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K".

Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 7010/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư xã B tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 7013/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với diện tích 1.058,68m^2 của ông Bùi Văn X đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (658,68m^2 đất trồng cây lâu năm, 400m^2 đất ở nông thôn); Quyết định số: 7014/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với diện tích 3.676,28m^2 đất trồng cây lâu năm (đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông Bùi Văn X; Quyết định số: 7015/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với diện tích 2.011,36m^2 của ông Bùi Văn X (diện tích 2.011,36m^2 được hỗ trợ, không được bồi thường quyền sử dụng đất). Đến ngày 17/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ- UBND, về việc bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo chuyên đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn X với tổng số tiền 9.204.265.256 đồng đối với tổng diện tích 6.746,32m2. Cụ thể: bồi thường đất đai: 5.384.363.200 đồng; hỗ trợ đất đai: 202.745.088 đồng (tiền hỗ trợ về đất đối với diện tích 2.011,36m^2); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc: 3.550.454.208 đồng; bồi thường cây trồng 21.499.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 45.203.760 đồng và bố trí 01 suất tái định cư.

Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn X:

1. Đối với 2.011,36m^2 được hỗ trợ 70% về đất theo mục a khoản 1 Điều 20 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K với lý do: Nguồn gốc sử dụng đất diện tích 2.011,36m^2 trước tháng 04/1999 là đất Nhà nước quản lý chưa ai vào canh tác sử dụng đất. Đến tháng 04/1999 ông Bùi Văn X vào khai phá đất nông nghiệp trồng tràm bông vàng, đào. Ông X quản lý sử dụng đến 25/10/2004 thì Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 3304/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bao chiếm, lấn chiếm đất đai trái phép do Nhà nước quản lý nhưng ông X quản lý sử dụng diện tích 2.011,36m^2 đến khi quy hoạch dự án. Do diện tích 2.011,36m^2 nằm trong Quyết định số: 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh K, về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q (theo Công văn số: 304/VQG-DLST&CHSV ngày 18/10/2021 của Vườn Quốc gia P) nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Điều 20, Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do đó không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo

Điều 13 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, diện tích 2.011,36m^2 của ông Bùi Văn X đủ điều kiện hỗ trợ 70% về đất theo mục a khoản 1 Điều 20 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

2. Về tái định cư: Theo Biên bản số: 75/BB-XDHĐ ngày 19/5/2021 Hội đồng tư vấn đất đai xã B xét ông Bùi Văn X đủ điều kiện bố trí 02 suất tái định cư (chính sách hỗ trợ tái định cư chỉ áp dụng cho 01 suất tái định cư theo quy định, còn 01 suất tái định cư thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất) theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và Điều 21 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UNBD ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Ngày 16/11/2021, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành Thông báo số: 193/TB-VP, về việc kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P tại cuộc họp giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc dự án Khu tái định cư B thống nhất đủ điều kiện bố trí 01 suất tái định cư theo Điều 21 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UNBD ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K do hộ ông Bùi Văn X bị thu hồi 400m^2 đất ở (07 khẩu), không còn nhà ở, đất ở trong khu vực xã B, trên đất không có vật kiến trúc.

Ông Bùi Văn X yêu cầu phê duyệt bổ sung thêm 01 nền tái định cư đối với thửa đất đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M989386 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/10/2003 là không phù hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quy định: "Hộ gia đình bị thu hồi đất ở có từ 06 nhân khẩu trở lên (không bao gồm nhân khẩu nhập nhờ sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án) hoặc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 150m^2 đất ở trở lên mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí 02 suất tái định cư. Trường hợp có cả hai điều kiện cũng chỉ được bố trí 02 suất tái định cư". Do hộ ông Bùi Văn X không có nhà trên đất nên không thuộc trường hợp di chuyển chỗ ở.

Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Bùi Văn X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 100/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 173, Điều 193, Điều 194 của Luật tố Tụng hành chính; Điều 77, 82 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 01/2017/NC-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất

trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn X:

- Hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư; Cụ thể hủy phần hỗ trợ đất đai 202.745.088 đồng (tiền hỗ trợ về đất đối với diện tích đất 2.011,36m^2).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Bùi Văn X sử dụng, cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Bùi Văn X đối với diện tích đất bị thu hồi 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định bổ sung bố trí thêm 01 suất tái định cư cho ông Bùi Văn X theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/8/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn X.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông X đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của thành phố P, tỉnh Kiên Giang làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người khởi kiện ông Bùi Văn X khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn X. Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Xét thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cư khi thu hồi đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 28 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2] Xét căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Để thực hiện dự án Khu tái định cư X, tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban Quyết định thu hồi đất số: 7013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thu hồi 1.058,68m² đất của ông Bùi Văn X (trong đó gồm diện tích 658,68m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 400m2 đất ở nông thôn) thuộc thửa đất số 34, thuộc tờ bản đồ số 7 tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 7014/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thu hồi 3.676,28m^2 loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 29, thuộc tờ bản đồ số 7 tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 7015/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thu hồi 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Đến ngày 17/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ-UBND về việc bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và bố trí tái định cho ông Bùi Văn X cụ thể: bồi thường đất đai: 5.384.363.200 đồng; Hỗ

trợ đất đai: 202.745.088 đồng (tiền hỗ trợ về đất đối với diện tích 2.011,36m^2); Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc: 3.550.454.208 đồng; Cây trồng 21.499.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống: 45.203.760 đồng; Bố trí 01 suất tái định cư. Tổng số tiền 9.204.265.256 đồng và bố trí 01 suất tái định cư theo quy định tại theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và mục a khoản 1 Điều 20 và Điều 21 của Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông X yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với phần hỗ trợ 70% đối với diện tích 2.011,36m^2 và bố trí tái định cư cho ông Bùi Văn X. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với Quyết định số: 225/QĐ-UBND về việc bố trí 01 suất tái định cư cho ông Bùi Văn X:

Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 7013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thu hồi của ông Bùi Văn X diện tích 1.058,68m^2 (trong đó gồm diện tích 658,68m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 400m^2 đất ở nông thôn) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 17/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ-UBND, trong có phần bố trí 01 suất tái định cư cho ông Bùi Văn X.

Ông X khởi kiện yêu cầu được cấp 02 suất tái định cư với lý do Ủy ban nhân dân thành phố P đã thu hồi 400m^2 loại đất ở nông thôn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 989386 thửa đất số 34, thuộc tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/10/2003 nhưng chỉ hỗ trợ cho gia đình ông 0 suất tái định cư là không phù hợp quy định pháp luật về chính sách hỗ trợ trong khi gia đình ông có đến 07 nhân khẩu và không còn chỗ ở, đất ở nào khác.

Theo Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy định chính sách tái định cư như sau:

"a) Hộ gia đình bị thu hồi đất ở có từ 06 nhân khẩu trở lên (không bao gồm nhân khẩu nhập nhờ sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án) hoặc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 150 mét vuông đất ở trở lên mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí 02 suất tái định cư. Trường hợp có cả hai điều kiện cũng chỉ được bố trí hai suất tái định cư".

Như vậy, theo Quyết định số: 2737/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định khi Nhà nước thu hồi đất ở của người sử dụng đất thì hộ gia đình được bố trí 2 suất tái định cư khi có đủ 2 điều kiện: Điều kiện một là: Hộ gia đình có từ

06 nhân khẩu trở lên hoặc hộ gia đình bị thu hồi từ 150 mét vuông đất ở trở lên; Điều kiện hai là: phải di chuyển chỗ ở.

Đối với trường hợp của hộ ông X có đất bị thu hồi là 400m^2 đất ở nông thôn và tại thời điểm thu hồi đất thì hộ ông X có 07 nhân khẩu. Tuy nhiên, gia đình ông X không có cư trú tại phần đất bị thu hồi nên không phải di chuyển chỗ ở. Vì vậy hộ gia đình không đủ điều kiện cấp 02 suất tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 225/QĐ-UBND về việc bố trí 01 suất tái định cư cho ông Bùi Văn X là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 Ủy ban nhân dân thành phố P về hỗ trợ về đất đối với diện tích 2.011,36m^2 thành tiền là 202.745.088 đồng:

Người khởi kiện ông X khai nguồn gốc diện tích 2.011,36m^2 là do ông khai khẩn từ năm 1999 để làm nông nghiệp trồng tràm bông vàng, cây đào ông đã sử dụng ổn định không tranh chấp cho đến khi Nhà nước thu hồi đất và cũng được cơ quan địa phương xác nhận ông sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 nên căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình ông X đủ điều kiện bồi thường về đất đai nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ hỗ trợ đất đai cho ông là không đúng quy định và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Xét yêu cầu bồi thường của ông X là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Bởi vì:

Tại Quyết định số: 2163/QĐ-UBND ngày 19/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh K đã quyết định giao đất, cấp đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q (nay là V) trong đó có diện tích diện tích 6.625m^2 tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Tháng 4 năm 1999 ông X vào khai phá bao chiếm để trồng cây Tràm bông vàng. Phần đất do X bao chiếm, lấn chiếm có vị trí giáp với các thửa đất số 34, 29 diện tích 6.223m^2 loại đất thổ vườn của ông Bùi Văn X đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003.

Ngày 25/3/2004, Thanh tra Nhà nước huyện P biên bản đo, kiểm tra phần đất của Bùi Văn X đang sử dụng lấn chiếm phần đất (phía hậu) với diện tích 6.625m^2 để trồng tràm, đào (có sơ đồ đo đạc kèm theo) và có sự chứng kiến của chính quyền địa phương ấp Bãi T2 và đại diện gia đình ông X. Đến 25/10/2004, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 3304/QĐ- UBND về việc thu hồi đất của ông Bùi Văn X tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện P với diện tích 6.625m^2, loại đất: Nông nghiệp. Do có hành vi vi phạm: Bao chiếm, lấn chiếm đất đai trái phép do Nhà nước quản lý, buộc ông X phải di dời các công trình trên đất ra khỏi khu vực bị thu hồi. Tuy nhiên, ông Bùi Văn X vẫn quản lý sử dụng đất lấn chiếm.

Đến ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 7015/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 thu hồi của ông Bùi Văn X diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm (trong phần diện tích 6.625m^2 đã bị thu hồi Quyết định số: 3304/QĐ- UBND ngày 25/10/2004 Ủy ban nhân dân huyện P) tọa

lạc ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Lý do thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng.

Do diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B thuộc rừng phòng hộ và đặc dụng P (nay là V) do ông X bao chiếm sử dụng, không đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Tại Điều 20 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K) quy định: *"1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, có đầu tư và có thành quả lao động trên đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp, khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì được hỗ trợ như sau: a)…Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất".*

Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (ban hành kèm theo Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K) Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết địnhsố: 225/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về hỗ trợ về đất cho ông X đối với diện tích 2.011,36m^2 bằng số tiền: 202.745.088 đồng là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông X, hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về hỗ trợ 70% đối với diện tích 2.011,36m^2 đất và bố trí 01 nền tái định cư và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Bùi Văn X sử dụng, cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Bùi Văn X đối với diện tích đất bị thu hồi 2.011,36m^2 loại đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định bổ sung bố trí thêm 01 suất tái định cư cho ông Bùi Văn X là chưa đúng quy định của pháp luật.

[5] Do đó, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông X yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về hỗ trợ 70% đối với diện tích 2.011,36m^2 đất trông cây lâu năm và yêu cầu bố trí thêm 01 nền tái định cư theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 100/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 173, Điều 193, Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 77, 82 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số: 01/2017/NC-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số: 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số: 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn X yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 225/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về hỗ trợ 70% đối với diện tích 2.011,36m^2 đất và bố trí 01 nền tái định cư; về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 2.011,36m^2 đất và bố trí hai nền tái định cư cho ông Bùi Văn X.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Văn X phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0004126 ngày 01/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông X đã nộp đủ.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố P số tiền nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí hành chính

phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001434 ngày 29/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)